TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: **03** /2024/HS-ST
Ngày 09/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vi Thị Năm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phùng Văn Thị;

2/ Ông Tống Như Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hoà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2023/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn P, sinh ngày 08/8/1992, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Văn Q; Con bà: Hà Thị Đ, hiện ở khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án + Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo hôm nay có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Khu T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ (*Có mặt*).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Vi Huy C, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Khu T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ (*Vắng mặt*).

2/ Anh Nguyễn Danh M, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (*Vắng mặt*).

3/ Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Xóm Đ, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (*Vắng mặt*).

4/ Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 06/9/2023, Phạm Văn P, sinh năm 1992 trú tại khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ bắt xe khách từ bến xe M để về nhà chơi. Do không đủ tiền trả tiền vé xe về C, nên P đã mua vé xe xuống Km77+ 500 thuộc địa phận khu 3 xã H huyện T, tỉnh Phú Thọ mục đích để đi đò từ bến đò Phương Lĩnh về C. Đến khoảng 15 giờ 10 phút cùng ngày P xuống xe rồi đi bộ theo lối đường mòn xuống gầm cầu chui cao tốc N - Lào Cai thuộc Khu C xã H, huyện T rồi vào quán ngồi uống nước đến khoảng 17 giờ 05 phút thì trả tiền đi về. Do không đủ tiền để đi xe ôm đến bến đò Phương Lĩnh, nên P đã đi bộ dọc theo đường quốc lộ 2D (đường đê) theo hướng từ xã H về xã M, huyện T. Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, khi đi qua khu vực cánh đồng trồng ngô thuộc địa phận khu T, xã M, huyện T, P nhìn thấy tại lề đường bên trái quốc lộ B theo hướng P đang đi có để một số xe mô tô, xe đạp của người dân đi làm đồng và không có người trông coi, P quan sát thấy có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu bạc vàng gắn BKS 19L1-2840 dựng gần một chiếc xe đạp, đầu xe hướng về bến đò Phương Lĩnh, đuôi xe hướng về cầu chui H, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. P nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên để đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi đi qua vị trí để chiếc xe mô tô khoảng 40 m thì P quay lại và vẫn tiếp tục đi bộ ở chiều đường P đang đi. Quan sát thấy xung quanh không có người, P đi bộ qua vị trí để xe mô tô khoảng 5 mét, rồi đi bộ sang phần đường bên trái và quay lại vị trí để chiếc xe mô tô, P ngồi lên chiếc xe mô tô và để túi nilon đựng quần áo của mình ở gác ba ga phía trước xe. Sau đó dùng tay vặn chìa khóa điện của xe mô tô, thấy xe mô tô đang ở tình trạng số 4, P đã về số 2 rồi nhanh chóng nổ máy điều khiển xe mô tô đi theo hướng đi đến bến đò Phương Lĩnh. Do sợ chờ đò lâu, sẽ bị phát hiện việc trộm cắp tài sản nên P đã điều khiển xe mô tô đi theo hướng về thị trấn H, huyện H tỉnh Phú Thọ rồi đi về huyện C. Do sợ đi xe mô tô về nhà sẽ bị mọi người biết và ảnh hưởng đến gia đình, nên P điều khiển xe mô tô đến khu vực Dốc Đ thuộc khu T, xã T, huyện C với mục

đích tìm nơi để bán xe. Khi đi đến đoạn đường vắng người qua lại cách dốc Đất Đ1 khoảng 300m; P dừng xe và mở cốp xe kiểm tra, thấy trong cốp xe có 01 túi nilon màu trắng, bên trong túi có: 01 đăng ký xe mô tô BKS 19L1-2840 cấp cho chị Nguyễn Thị Y; 01 giấy phép lái xe tên Vi Huy C. P cất đăng ký xe trên vào túi quần bên trái; còn giấy phép lái xe cất vào túi quần bên phải rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô. Đến khoảng 18 giờ 40 phút, P đến cửa hàng xe máy, xe điện Minh H của anh Nguyễn Danh M, sinh năm 1985 trú tại khu T, xã T, huyện C và đặt vấn đề muốn bán chiếc xe mô tô trên. Anh M xem xe và hỏi đăng ký xe mô tô; P đã đưa Đăng ký xe mô tô cho anh M kiểm tra và nói dối xe mô tô được mẹ cho, do không có tiền đi làm nên muốn bán. Anh M và P thỏa thuận giá mua bán chiếc xe là 2.500.000đ; Sau đó P nói tên là Nguyễn Đức H1 địa chỉ ở T, T, huyện C để anh M viết các thông tin lên Mẫu giấy mua bán xe rồi đưa lại giấy cho P ký. Sau khi nhận đủ số tiền 2.500.000đ từ anh M. P đã đi bộ ra đường C -Lào Cai và bắt xe quay trở lại Hà Nội. Số tiền trên P đã chi tiêu và sử dụng hết cho bản thân.

Do nghĩ có người quen mượn xe mô tô để đi lại nên đến ngày 10/9/2023 không thấy có người đến trả lại xe mô tô, xác định xe mô tô đã bị trộm cắp, chị Y đã làm đơn trình báo Công an huyện T. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, rà soát hệ thống camera an ninh; thụ lý nguồn tin về tội phạm; điều tra xác minh theo quy định và triệu tập Phạm Văn P đến làm việc. Tại cơ quan điều tra, P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Do không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu bạc vàng gắn BKS 19L1-2840 là do trộm cắp mà có, nên ngày 07/9/2023 anh M đã bán chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Ngọc S – sinh năm 1989 trú tại Xóm Đ, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ với giá 3.500.000đ; đến ngày 08/9/2023 anh S đã bán chiếc xe mô tô trên cho anh Lê Tuấn A – sinh năm 1995 trú tại khu T, thị trấn C, huyện C với giá 4.900.000đ. Anh M, anh S và anh Tuấn A đã thừa nhận việc mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu bạc vàng gắn BKS 19L1-2840. Khi mua bán, trao đổi xe các bên không biết việc chiếc xe trên là do trộm cắp mà có.

Ngày 30/10/2023, CQCSĐT công an huyện T đã có Yêu cầu định giá tài sản số 45/YC-CQĐT đề nghị Hội đồng định giá tài sản huyện T tỉnh Phú Thọ định giá xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu bạc vàng gắn BKS 19L1-2840. Tại kết luận định giá tài sản số 49, ngày 31/10/2023, Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân huyện T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu bạc vàng gắn BKS 19L1-2840 có giá trị **4.600.000đ**.

Các tài liệu vật chứng đã thu giữ:

Ngày 13/9/2023 Phạm Văn P đã giao nộp: 01 giấy phép lái xe số 250061005319 mang tên Vi H; 01 chiếc áo sơ mi nam cộc tay, màu trắng, có in các

họa tiết và hoa văn cách điệu màu đen; 01 chiếc quần đùi màu đen; 01 đôi dép giả da màu nâu vàng.

Ngày 13/9/2023, anh Lê Tuấn A đã giao nộp cho CQCSĐT công an huyện T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu bạc vàng gắn BKS 19L1-2840 và 01 đăng ký xe mô tô BKS 19L1-2840 mang tên Nguyễn Thị Y và 01 chìa khóa xe mô tô.

Ngày 17/9/2023 anh Nguyễn Danh M đã giao nộp: 01 giấy bán cho tặng xe của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu bạc vàng gắn BKS 19L1-2840; người bán xe Nguyễn Đức H1 – nơi ĐKHKTT: Tam Giao, T, C, Phú Thọ. Và 01 giấy biên nhận tiền đề ngày 15/9/2023.

Ngày 18/9/2023, anh Nguyễn Ngọc S đã giao nộp cho CQCSĐT công an huyện T: 01 bản sao kê tài khoản ngân hàng của số tài khoản 669996969 ngân hàng Thương mại cổ phần N mang tên Nguyễn Ngọc S và 01 giấy biên nhận tiền đề ngày 15/9/2023.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn P đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình như đã nêu trên và không có trình bày gì khác.

Bản Cáo trạng số: 60/CT-VKSTB ngày 30/11/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Phạm Văn Phong về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự:

Đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng theo khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tải sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản nào khác nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị xác nhận Cơ quan điều tra đã trả cho chị Nguyễn Thị Y 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirus, sơn màu bạc – vàng gắn BKS 19L1-2840, 01 chìa khóa điện và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị Y; Trả cho anh V Huy Chương 01 giấy phép lái xe (chị Y và anh C không có yêu cầu đề nghị gì khác về mặt dân sự).

Đề nghị xác nhận bị cáo Phạm Văn P đã trả lại cho anh Nguyễn Danh M số tiền 2.500.000 đ; anh Nguyễn Danh M đã trả lại cho anh Nguyễn Ngọc S số tiền 3.500.000đ và anh Nguyễn Ngọc S đã trả lại cho anh Lê Tuấn A 4.900.000đ là số tiền các bên mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu bạc vàng gắn BKS 19L1-2840 (Anh M, anh S, anh Tuấn A không có yêu cầu đề nghị gì khác về mặt dân sự).

Đề nghị trả lại cho bị cáo: 01 chiếc áo sơ mi nam cộc tay, màu trắng, có in các họa tiết và hoa văn cách điệu màu đen; 01 chiếc quần đùi màu đen; 01 đôi dép giả da màu nâu vàng.

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn P phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày luận tội, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không oan. Bị cáo không tự bào chữa và cũng không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 06/9/2023, tại đoạn đường Q (đê T) thuộc khu T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi quản lý tài sản, bị cáo Phạm Văn P đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirus, sơn màu bạc – vàng gắn BKS 19L1-2840 của chị Nguyễn Thị Y sinh năm 1975 trú tại khu T, xã M huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trị giá tài sản trộm cắp 4.600.000đ. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Hành vi của Phạm Văn P được xác định là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ. Vì vậy cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù

hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của Phạm Văn P đã cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*". Với giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt thì việc truy tố, xét xử bị cáo Phạm Văn P theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định*:*

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù tội phạm mà bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây nên sự bất an, lo lắng trong quần chúng nhân dân về an ninh trật tự xã hội. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức hành vi chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật, nhưng vì coi thường pháp luật, hám lợi bất chính nên đã cố ý phạm tội.

Xét về nhân thân, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác; Tại phiên toà bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xét thấy bị cáo Phạm Văn P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nơi cư trú ổn định, có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để cho bị cáo được lao động ngoài xã hội dưới sự quản lý, giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ còn bị khấu trừ một phần thu nhập hoặc phải lao động phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên bị cáo Phạm Văn P trước khi phạm tội nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định. Tại phiên toà bị cáo khai rằng hiện đang làm lao động thời vụ tại công ty không có hợp đồng lao động và bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bị cáo đang có nghề nghiệp,

thu nhập ổn định nên không áp dụng khấu trừ thu nhập mà buộc bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, thì tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ để sung vào quỹ Nhà nước. Xét thấy bị cáo hiện lao động tự do, nghề nghiệp không ổn định, sống phụ thuộc gia đình và không có tài sản riêng gì nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về nghĩa vụ dân sự:

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tải sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản nào khác nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm dân sự.

[6]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là chị Nguyễn Thị Y 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirus, sơn màu bạc – vàng gắn BKS 19L1-2840, 01 chìa khóa điện và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị Y; Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vi Huy C 01 giấy phép lái xe (chị Y và anh C không có yêu cầu đề nghị gì khác về mặt dân sự).

Xác nhận bị cáo Phạm Văn P đã trả lại cho anh Nguyễn Danh M số tiền 2.500.000 đ; anh Nguyễn Danh M đã trả lại cho anh Nguyễn Ngọc S số tiền 3.500.000đ và anh Nguyễn Ngọc S đã trả lại cho anh Lê Tuấn A 4.900.000đ là số tiền các bên mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu bạc vàng gắn BKS 19L1-2840 (Anh M, anh S, anh Tuấn A không có yêu cầu đề nghị gì khác về mặt dân sự).

Đối với số tiền 2.500.000đ do bị cáo Phạm Văn P bán chiếc xe mô tô trộm cắp mà có cho anh Nguyễn Danh M, bị cáo P đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Danh M số tiền 2.500.000đ, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không đề cập thu giữ khoản tiền này.

Trả lại cho bị cáo: 01 chiếc áo sơ mi nam cộc tay, màu trắng, có in các họa tiết và hoa văn cách điệu màu đen; 01 chiếc quần đùi màu đen; 01 đôi dép giả da màu nâu vàng.

Lưu trong hồ sơ vụ án: 01 giấy bán xe, các giấy biên nhận tiền và bản sao kê tài khoản ngân hàng.

Đối với hành vi mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu bạc vàng gắn BKS 19L1-2840 của Nguyễn Danh M, Nguyễn Ngọc S và Lê Tuấn A, quá trình điều tra xác định anh M, anh S, anh Tuấn A không biết nguồn gốc chiếc xe mô tô trên là do trộm cắp mà có, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T không đề cập xử lý là phù hợp.

[7]. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn P phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo, đề xuất về xử lý vật chứng và án phí hình sự. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Về tội danh và hình phạt:

+ Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn P phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn P **15** (*Mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn P phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải cạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3]. Về nghĩa vụ dân sự: Bị cáo không phải chịu nghĩa vụ dân sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo: 01 chiếc áo sơ mi nam cộc tay, màu trắng, mặt trước và sau áo được in các họa tiết, hoa văn cách điệu hình tròn màu đen, phía trong mỗi hình tròn có in một hình dạng mặt người màu đen. Phần phía sau gáy áo có may một mác áo, trên mác áo có thêu dòng chữ "HENGDINI" màu xám đen, tình trạng đã qua sử dụng; 01 chiếc quần đùi màu đen, phần ống quần bên trái có dán ba dòng kẻ ngang màu trắng. Trên dòng kẻ ngang đầu tiên có dán dòng chữ "adidas neo", tình trạng đã qua sử dụng; 01 đôi dép giả da, màu nâu vàng, phần đế dép được làm bằng cao su màu đen, phần quai dép được làm bằng chất liệu tổng hợp (giả da) màu nâu vàng. Phía trên quai dép được đính một mảnh kim loại hình tam giác, bên trên mảnh kim loại được khắc các hoạt tiết, văn hoa cách điệu màu đỏ, tình trạng đã qua sử dụng.

(Các tài sản, đồ vật trên hiện đang bị tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T *và có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/01/2024 giữa Cơ quan điều tra* Công an huyện T *với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba có lưu trong hồ sơ vụ án);*

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là chị Nguyễn Thị Y 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirus, sơn màu bạc – vàng gắn BKS 19L1-2840, 01 chìa khóa điện và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị Y; Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vi Huy C 01 giấy phép lái xe.

Xác nhận bị cáo Phạm Văn P đã trả lại cho anh Nguyễn Danh M số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*); anh Nguyễn Danh M đã trả lại cho anh Nguyễn Ngọc S số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và anh Nguyễn Ngọc S đã trả lại cho anh Lê Tuấn A 4.900.000đ (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) là số tiền các bên mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu bạc vàng gắn BKS 19L1-2840.

[5] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn P phải nộp 200.000.đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- UBND xã Tiên Lương, H.Cẩm Khê;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vi Thị Năm